TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CUM'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST
Ngày: 14/6/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thiên Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Tha Mlô; 2. Bà Cao Thị Hồng Châu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh ĐăkLăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-DS ngày 04/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST-DS ngày 25/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (Nam A Bank)

Địa chỉ: 201-203 C, phường 4, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP N (Công ty AMC – Nam A Bank)

Người được ủy quyền: Ông Hoàng Trọng T, chức vụ: Tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh Tp H.

Địa chỉ: Lầu 3, 97 Bis Hàm Nghi, phường N, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Vũ Văn L, chuyên viên xử lý nợ. (Theo Giấy ủy quyền số 517/2020/UQ-AMC ngày 31/12/2020) (Có mặt)

Địa chỉ: 168 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Văn L trình bày:

Ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T đã ký kết hợp đồng tín dụng số 0261/2018/502-CV ngày 27/3/2018, Giấy nhận nợ số 03/GNN-0261/2018/502-CV ngày 08/4/2019 và Giấy nhận nợ số 04/GNN-0261/2018/502-CV ngày 10/4/2019 với Ngân hàng N tại chi nhánh Đắk Lắk để vay tiền. Cụ thể như sau:

- Giấy nhận nợ số 03/GNN-0261/2018/502-CV ngày 08/4/2019 số tiền vay 1.500.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay để chăm sóc cà phê, tiêu,…; thời hạn vay 12 tháng.

- Giấy nhận nợ số 04/GNN-0261/2018/502-CV ngày 10/4/2019 số tiền vay 200.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay để chăm sóc cà phê, tiêu,…; thời hạn vay 12 tháng.

Khi ký kết các hợp đồng tín dụng trên, ông B và bà T có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay. Cụ thể: Hợp đồng thế chấp số 0201/2018/502-BĐ ngày 27/3/2018 thế chấp các thửa đất:

1/ Thửa đất số 199, tờ bản đồ số 46, diện tích 3630 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AM 482027 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/4/2008 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T;

2/ Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 46, diện tích 6350 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AM 482028 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/4/2008 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T;

3/ Thửa đất số 235, tờ bản đồ số 46, diện tích 10780 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AM 482029 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/4/2008 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T;

4/ Thửa đất số 236, tờ bản đồ số 46, diện tích 6910 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AM 482030 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/4/2008 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T;

5/ Thửa đất số 280, tờ bản đồ số 46, diện tích 1000 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AM 482031 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/4/2008 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T;

6/ Thửa đất số 63, tờ bản đồ số 58, diện tích 8040,9 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CB 651550 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 22/3/2017 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T;

7/ Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 58, diện tích 2937,4 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CA 755420 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 17/11/2016 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T;

Hiện nay, khoản nợ của ông B và bà T đã quá hạn nhưng ông B và bà T chưa thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B và bà T trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền là 2.264.404.939 đồng. Trong đó, nợ gốc là 1.700.000.000 đồng, nợ lãi là 564.404.939 đồng tạm tính đến ngày 14/6/2021. Ông B và bà T tiếp tục trả nợ lãi phát sinh từ ngày 15/6/2021 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp ông B và bà T không trả được nợ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Quá trình làm việc và xác minh tại địa phương thì vợ chồng ông Nguyễn Phương B, bà Lê Thị Bích T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nhưng đã đi khỏi địa phương từ năm 2020, chính quyền địa phương không biết ông B và bà T đang ở đâu. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vợ chồng ông B, bà T vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử nên Tòa án không thể lấy ý kiến của các đương sự về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không thể tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng**:** Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án và phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 463; 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Nguyễn Phương B, bà Lê Thị Bích T trả toàn bộ số nợ gốc 1.700.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng N. Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Phương B, bà Lê Thị Bích T không trả nợ

hoặc không trả nợ đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí: ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền đã vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về số nợ: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định:

Ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T đã ký kết hợp đồng tín dụng số 0261/2018/502-CV ngày 27/3/2018, Giấy nhận nợ số 03/GNN-0261/2018/502-CV ngày 08/4/2019 và Giấy nhận nợ số 04/GNN-0261/2018/502-CV ngày 10/4/2019 với Ngân hàng N tại chi nhánh Đắk Lắk để vay tiền. Cụ thể:

- Giấy nhận nợ số 03/GNN-0261/2018/502-CV ngày 08/4/2019 số tiền vay 1.500.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay để chăm sóc cà phê, tiêu,…; thời hạn vay 12 tháng.

- Giấy nhận nợ số 04/GNN-0261/2018/502-CV ngày 10/4/2019 số tiền vay 200.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay để chăm sóc cà phê, tiêu,…; thời hạn vay 12 tháng.

Từ ngày vay đến khi hết kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông B, bà T chưa thanh toán nợ theo thỏa thuận cho Ngân hàng. Xét hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, việc vợ chồng ông B, bà T không trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng có quyền yêu cầu bên vay trả toàn bộ số nợ đã vay. Do đó, cần buộc vợ chồng ông B, bà T trả nợ toàn bộ số nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại các Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Cụ thể: Số nợ gốc là 1.700.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 14/6/2021 là 564.404.939 đồng; tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0261/2018/502-CV ngày 27/3/2018, Giấy nhận nợ số 03/GNN-0261/2018/502-CV ngày 08/4/2019 và Giấy nhận nợ số 04/GNN-0261/2018/502-CV ngày 10/4/2019 kể từ ngày 15/6/2021 cho đến khi vợ chồng ông B, bà T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ.

[3.2] Về tài sản bảo đảm: Để đảm bảo cho các khoản vay, ông B và bà T có ký hợp đồng thế chấp số 0201/2018/502-BĐ ngày 27/3/2018 thế chấp các thửa đất:

1/ Thửa đất số 199, tờ bản đồ số 46, diện tích 3630 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AM 482027 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/4/2008 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T;

2/ Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 46, diện tích 6350 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AM 482028 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/4/2008 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T;

3/ Thửa đất số 235, tờ bản đồ số 46, diện tích 10780 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AM 482029 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/4/2008 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T;

4/ Thửa đất số 236, tờ bản đồ số 46, diện tích 6910 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AM 482030 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/4/2008 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T;

5/ Thửa đất số 280, tờ bản đồ số 46, diện tích 1000 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AM 482031 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/4/2008 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T;

6/ Thửa đất số 63, tờ bản đồ số 58, diện tích 8040,9 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CB 651550 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 22/3/2017 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T;

7/ Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 58, diện tích 2937,4 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CA 755420 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 17/11/2016 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T.

Việc ký kết hợp đồng thế chấp trên là tự nguyện, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm. Hiện nay các thửa đất trên bỏ hoang, không ai quản lý, sử dụng. Do đó, trường hợp vợ chồng ông B, bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp vợ chồng ông B, bà T trả nợ xong cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông B, bà T bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp tại Ngân hàng.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu xem xét thẩm định của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T phải chịu 2.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng được nhận lại 2.500.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định sau khi thu được từ vợ chồng ông Nguyễn Phương B, bà Lê Thị Bích T.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Phương B, bà Lê Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả. Cụ thể:

Án phí = 72.000.000đ + (2.264.404.939 đồng – 2.000.000.000 đồng) x 2%) = 77.288.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Phương B, bà Lê Thị Bích T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và tiền lãi còn nợ là 2.264.404.939 đồng. Trong đó: nợ gốc 1.700.000.000 đồng và nợ lãi là 564.404.939 đồng tính đến ngày 14/6/2021, tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0261/2018/502-CV ngày 27/3/2018, Giấy nhận nợ số 03/GNN-0261/2018/502-CV ngày 08/4/2019 và Giấy nhận nợ số 04/GNN-0261/2018/502-CV ngày 10/4/2019

kể từ ngày 15/6/2021 cho đến khi vợ chồng ông Nguyễn Phương B, bà Lê Thị Bích T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ.

Khi vợ chồng ông Nguyễn Phương B, bà Lê Thị Bích T trả xong nợ thì Ngân hàng N có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông B, bà T bản chính: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AM 482027 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/4/2008 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 482028 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/4/2008 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AM 482029 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/4/2008 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AM 482030 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/4/2008 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AM 482031 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/4/2008 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CB 651550 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 22/3/2017 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CA 755420 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 17/11/2016 cho ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T.

Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Phương B, bà Lê Thị Bích T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp số 0201/2018/502-BĐ ngày 27/3/2018 đối với các thửa đất sau để thu hồi nợ:

1/ Thửa đất số 199, tờ bản đồ số 46, diện tích 3630 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; 2/ Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 46, diện tích 6350 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; 3/ Thửa đất số 235, tờ bản đồ số 46, diện tích 10780 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; 4/ Thửa đất số 236, tờ bản đồ số 46, diện tích 6910 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; 5/ Thửa đất số 280, tờ bản đồ số 46, diện tích 1000 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; 6/ Thửa đất số 63, tờ bản đồ số 58, diện tích 8040,9 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm; 7/ Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 58, diện tích 2937,4 m^2 tại xã Q, huyện C, đất trồng cây lâu năm.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Vợ chồng ông Nguyễn Phương B, bà Lê Thị Bích T phải chịu 2.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng N được nhận lại 2.500.000 đồng tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ sau khi thu được vợ chồng ông Nguyễn Phương B, bà Lê Thị Bích T.

Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Phương B, bà Lê Thị Bích T phải chịu 77.288.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.957.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0016616 ngày 26/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM'gar.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk
- VKSND huyện CưM'gar
- THADS huyện CưM'gar
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý